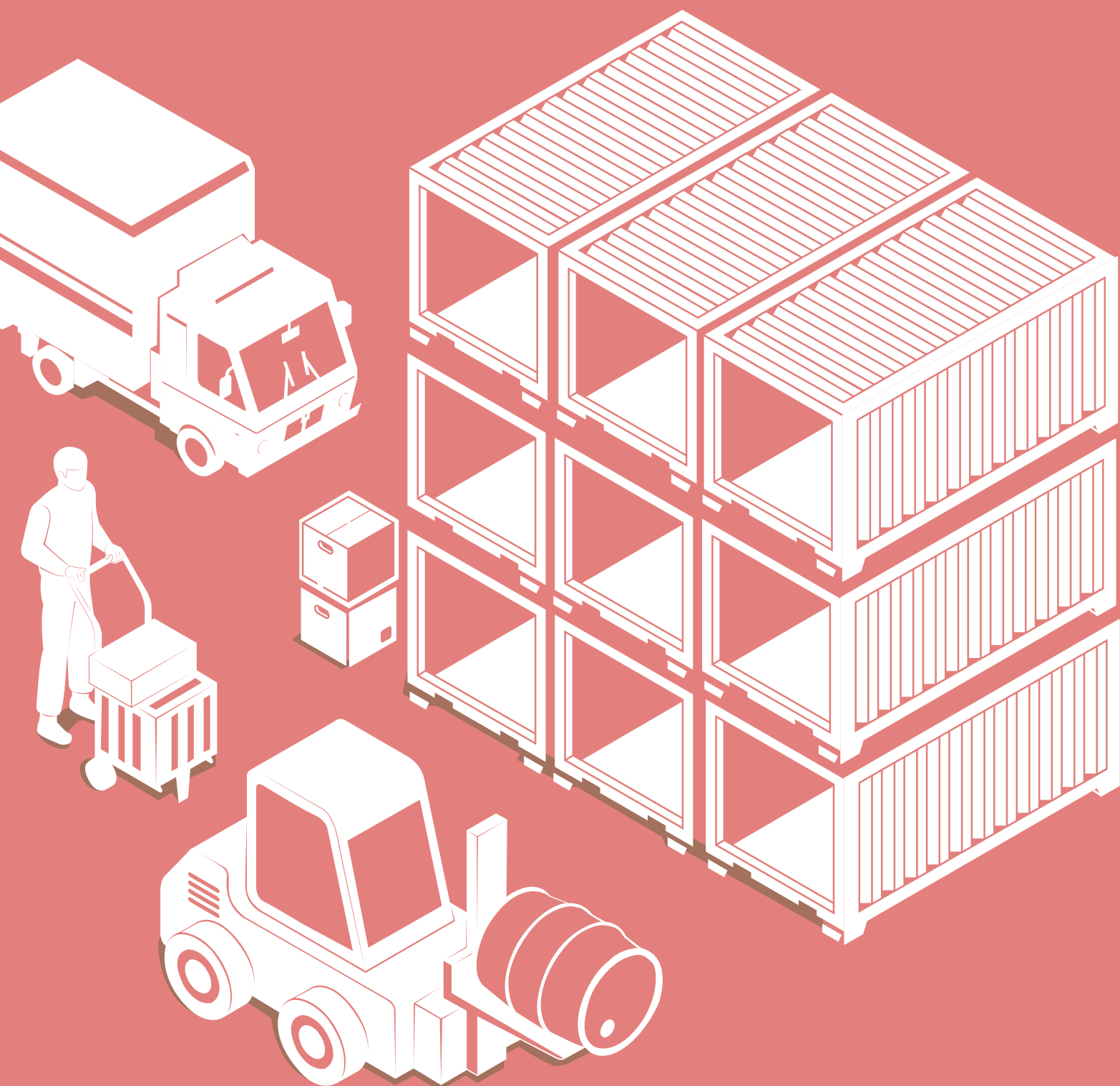


BÁO CÁO NGÀNH LOGISTICS

VIỆT NAM NĂM 2020



TÓM TẮT BÁO CÁO

Báo cáo ngành Logistics do VietnamCredit chuẩn bị và phát hành vào tháng 07/2020, cung cấp tổng quan về tình hình kinh tế của Việt Nam, sự phát triển của ngành Logistics và danh sách 10 doanh nghiệp xuất sắc trong ngành dựa trên hiệu quả hoạt động, quy mô doanh nghiệp và xếp hạng tín nhiệm trong ba năm liên tiếp 2019, 2018 và 2017.

Sau khi Luật thương mại 2005 có hiệu lực, dịch vụ Logistics mới chính thức được coi là hoạt động thương mại do Chính phủ quản lý mặc dù khái niệm "giao nhận hàng hóa" đã xuất hiện tại thị trường Việt Nam từ năm 1997. Với vị trí địa lý thuận lợi cho vận chuyển quốc tế, ngành Logistics Việt Nam đã phát triển một cách bùng nổ, đặc biệt là trong giai đoạn 1997-2007, với sự gia nhập thị trường của 500 doanh nghiệp mới. Kể từ khi gia nhập WTO, ngành Logistics tiếp tục phát triển với mức tăng trưởng hai con số và dự kiến sẽ tăng trưởng với mức CAGR khoảng 16.65% cho đến năm 2023.

Từ năm 2016 đến 2018, Việt Nam đã tăng 25 bậc trong Bảng xếp hạng Chỉ số Hiệu suất Logistics (LPI), từ 64/160 lên 39/160. Ở Đông Nam Á, hiệu quả của ngành logistics Việt Nam chỉ thua kém hai đối thủ lớn là Singapore và Thái Lan. Trong nhóm các thị trường mới nổi với thu nhập thấp, Việt Nam duy trì vị trí dẫn đầu về hiệu quả hoạt động logistics. Tuy nhiên, ngành logistics tại Việt Nam vẫn còn phân mảnh và chưa đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, do phần lớn các doanh nghiệp trong ngành chỉ có quy mô vừa và nhỏ và hoạt động theo hình thức tự cấp (1PL) hoặc cung cấp dịch vụ logistics bên thứ hai (2PL).




Đối với logistics bên thứ ba (3PL) hay còn được gọi là logistics hợp đồng, đây là hình thức đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa. Hình thức này đang có xu hướng ngày càng phát triển tại Việt Nam do sự tiến bộ nhanh chóng của thương mại điện tử, gia tăng hàng hóa sản xuất và tiêu dùng cùng sự tăng cường hội nhập với các thị trường khác thông qua các hiệp định thương mại tự do. Mặc dù vậy, số lượng các doanh nghiệp cung cấp logistics bên thứ ba vẫn còn thấp và chủ yếu là các công ty nước ngoài.

Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử, các công ty giao nhận trong nước cũng phải chịu nhiều áp lực hơn do yêu cầu cao về chuyển phát nhanh đến từ các đơn vị bán lẻ trực tuyến. Theo đó, nhu cầu về nhà kho chất lượng cao cũng sẽ tăng lên. Các doanh nghiệp logistics hàng đầu trong ngành hiện đang đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển các trung tâm thực hiện đơn hàng công nghệ cao, nơi hàng hóa sẽ được phân loại và phân phối hoàn toàn tự động bởi máy móc.

Mặc dù có tiềm năng rất lớn để phát triển, ngành Logistics Việt Nam còn tồn tại một số thách thức cần phải vượt qua. Những khó khăn này chủ yếu xuất phát từ việc cơ sở hạ tầng chất lượng thấp, thiếu sự đổi mới và chưa có sự tích hợp linh hoạt giữa các hoạt động logistics và vận tải.

Một trong số đó là chi phí logistics tại Việt Nam tương đối cao, chiếm 20-25%, trong khi đó đóng góp của doanh thu ngành logistics vẫn rất thấp, chỉ chiếm 4-5% tổng GDP.



Kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát, ngành Logistics đã chịu những ảnh hưởng lớn và sẽ kéo dài ít nhất đến cuối tháng 9/2020. Trong ngắn hạn, chi phí logistics sẽ tăng cao hơn nữa do hoạt động vận chuyển bị giới hạn, dịch vụ giao nhận sẽ bị giảm sút về chất lượng và thời gian thực hiện quy trình xuất nhập khẩu cũng kéo dài hơn. Mặc dù vậy, lĩnh vực hậu cần được dự báo sẽ tiếp tục hưởng các điều kiện thuận lợi từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, xu hướng mua bán và sáp nhập và sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế trong

MỤC LỤC

1. Kinh tế vĩ mô

- 1.1. Tăng trưởng kinh tế
- 1.2. Thương mại và giá cả
- 1.3. Vốn đầu tư và thu chi Ngân sách Nhà nước
- 1.4. Tình hình xuất nhập khẩu
- 1.5. Tình hình thành lập và giải thể của các doanh nghiệp

2. Tình hình phát triển ngành Logistics Việt Nam

- 2.1. Tổng quan ngành Logistics Việt Nam
- 2.2. Cơ cấu doanh nghiệp và lao động trong ngành Logistics
- 2.3. Các số liệu chính về ngành Logistics
- 2.4. Chỉ số trung bình ngành Logistics 2019
- 2.5. Cơ hội, thách thức và dự báo phát triển ngành Logistics Việt Nam

3. 10 doanh nghiệp tiêu biểu ngành Logistics Việt Nam 2019

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Abbreviation	Meaning
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
NN	Nhà nước
NSNN	Ngân sách Nhà nước
USD	Đô la Mỹ
VNĐ	Đồng Việt Nam
GSO	Tổng cục Thống kê
VNC	VietnamCredit
EU	Liên minh Châu Âu
CP	Cổ phần
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
TT	Tiếp theo
CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng lũy kế hàng năm
M&A	Mua bán & sáp nhập
XNK	Xuất nhập khẩu
1PL	Logistics tự cấp/bên thứ nhất
2PL	Logistics bên thứ hai
3PL	Logistics bên thứ ba
4PL	Logistics bên thứ tư
5PL	Logistics bên thứ năm
LPI	Chỉ số Năng lực quốc gia về Logistics
TBN	Trung bình ngành

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 1.1.1: Tốc độ phát triển kinh tế (GDP) giai đoạn 2011-2020

Biểu 1.2.1: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế giai đoạn 2015-2019

Biểu 1.2.2: Tăng trưởng GDP, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát cơ bản bình quân năm (Năm trước = 100)

Biểu 1.2.3: Chỉ số giá sản xuất các quý so với quý trước theo khu vực kinh tế

Biểu 1.2.4: Biến động Tỷ giá thương mại hàng hóa giai đoạn 2015-2019 (%)

Biểu 1.3.1: Tốc độ phát triển và cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu giai đoạn 2016-2020 (Theo giá hiện hành)

Biểu 1.4.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa giai đoạn 2011-2019 (Tỷ USD)

Biểu 1.5.1: Tình hình thành đăng ký doanh nghiệp 6 tháng đầu 2020 (so với 6 tháng đầu 2019)

Biểu 2.2.1: Số lượng doanh nghiệp và lao động trong ngành phân theo lĩnh vực hoạt động

Biểu 2.2.2: Cơ cấu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải (doanh nghiệp)

Biểu 2.2.3: Cơ cấu các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa

Biểu 2.2.4: Cơ cấu doanh nghiệp hoạt động trong ngành logistics theo quy mô lao động

Biểu 2.3.1: Khối lượng vận tải hàng hóa đường bộ (ngàn tấn)

Biểu 2.3.2: Khối lượng vận tải hàng hóa đường sắt (ngàn tấn)

Biểu 2.3.3: Khối lượng vận tải hàng hóa đường thủy (ngàn tấn)

Biểu 2.3.4: Khối lượng vận tải hàng hóa đường hàng không (ngàn tấn)

Biểu 2.3.5: Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm của ngành giao nhận hàng hóa 2018-2022

Biểu 2.3.6: Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm lĩnh vực kho bãi 2018-2022

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.1: Tổng sản phẩm trong nước Quý 2 năm 2020 phân theo khu vực theo giá hiện hành

Bảng 2.1.1: Những giao dịch M&A nổi bật trong năm 2019

Bảng 2.2.1: Mức độ sẵn có của lao động trong ngành logistics phân theo trình độ